

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TTV24B5**

Năm học: **24-25**

Mã MH/MĐ: **MH04226**

Học kỳ: **02**

Tên MH/MĐ: **Tiếng anh**

Số TC: **4**

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1			Hệ số 2					Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2454802030493	Lê Ngọc Minh	Anh	10/01/2009			8	7.0	8.0	9.0	8.0		8.0		8.0
2	2454802030494	Phan Minh	Chiến	29/07/2009			0	0.0	0.0	0.0	0.0		CT		0.0
3	2454802030495	Nguyễn Hoàng	Duy	18/01/2009			7	6.0	5.0	6.0	8.5		6.0		6.2
4	2454802030496	Nguyễn Quốc	Đạt	11/08/2009			9	9.0	9.5	9.5	8.5		9.3		9.2
5	2454802030497	Nguyễn Gia	Hào	27/10/2009			8	7.0	9.0	10.0	8.5		8.0		8.2
6	2454802030498	Nguyễn Quốc	Hào	19/12/2009			0	0.0	0.0	0.0	0.0		CT		0.0
7	2454802030499	Nguyễn Huỳnh Diễm	Hằng	16/02/2009			9	9.0	8.5	9.0	9.0		7.5		8.1
8	2454802030500	Lê Kim	Hoàng	07/02/2009			9	9.0	8.0	8.0	10.0		7.8		8.2
9	2454802030501	Huỳnh Thị Thuyền	Kim	17/11/2009			7	8.0	6.0	8.0	5.5		0.0	9.0	8.2
10	2454802030502	Bùi Thị Trúc	Linh	23/05/2008			9	10.0	9.0	10.0	10.0		6.3		7.6
11	2454802030504	Lục Thị Hiền	Mỹ	13/06/2009			9	8.0	8.5	9.0	8.5		8.8		8.7
12	2454802030505	Đỗ Thị Kim	Ngân	25/12/2009			9	8.5	8.5	7.0	8.0		9.5		8.9
13	2454802030506	Võ Hữu	Nghĩa	11/11/2009			6	6.0	7.5	9.0	8.5		5.0		6.0
14	2454802030507	Trần Thị Kim	Ngọc	06/05/2009			8	8.5	8.5	9.5	8.0		9.3		9.0
15	2454802030508	Nguyễn Trọng	Phúc	04/10/2009			7	7.0	9.5	6.0	8.5		7.3		7.4
16	2454802030509	Nguyễn Trần Kim	Phượng	12/10/2009			7	6.0	5.0	0.0	0.0		CT		1.3
17	2454802030510	Võ Thành	Sang	06/03/2008			8	10.0	5.0	7.0	10.0		8.8		8.5
18	2454802030511	Võ Thành	Tân	30/03/2009			0	0.0	0.0	0.0	0.0		CT		0.0
19	2454802030512	Nguyễn Duy	Thái	01/04/2008			0	0.0	0.0	0.0	0.0		CT		0.0
20	2454802030513	Nguyễn Ngọc Phương	Thanh	27/10/2009			9	8.5	8.5	9.5	8.0		8.5		8.6
21	2454802030514	Đoàn Nhật	Thiện	05/04/2009			0	0.0	0.0	0.0	0.0		CT		0.0
22	2454802030516	Lê Nguyễn Quốc	Thuận	13/01/2009			6	6.0	8.5	8.0	8.0		8.8		8.3
23	2454802030517	Võ Bảo	Thy	27/08/2009			8	9.0	8.5	9.0	9.0		9.3		9.1
24	2454802030518	Lê Phúc	Toàn	03/03/2009			6	8.0	7.0	9.0	7.5		7.3		7.4
25	2454802030519	Nguyễn Minh	Triết	14/08/2008			10	8.0	8.5	9.0	8.0		8.3		8.4
26	2454802030520	Phan Thị Mai	Trình	04/07/2009			9	10.0	9.5	5.0	7.5		5.0		6.2
27	2454802030521	Hà Thị Ánh	Trúc	06/09/2009			8	8.0	8.0	9.5	8.5		7.5		7.9
28	2454802030522	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	01/07/2007			10	9.0	6.5	9.0	8.0		7.3		7.7
29	2454802030523	Nguyễn Hoàng	Tuấn	25/01/2009			6	9.0	9.5	5.0	8.0		8.8		8.3
30	2454802030524	Đặng Thị Bảo	Tuyền	10/05/2009			6	7.0	5.0	6.0	5.0		5.0		5.3
31	2454802030525	Huỳnh Thị Trang	Uyên	22/02/2008			9	10.0	9.5	10.0	10.0		8.5		9.0
32	2454802030526	Đặng Thị Thúy	Vân	13/08/2009			9	6.0	6.5	7.5	7.5		8.8		8.1
33	2454802030527	Lê Nguyễn Đoàn	Vinh	13/05/2009			9	9.5	9.5	8.0	9.0		8.5		8.7
34	2454802030528	Nguyễn Quốc	Vinh	12/09/2009			6	8.5	6.0	8.0	8.0		9.0		8.4
35	2454802030529	Nguyễn Thị Triệu	Vy	09/10/2009			6	8.0	8.0	10.0	8.5		6.8		7.4
36	2454802030530	Võ Thị Kiều	Vy	16/02/2009			7	9.0	7.5	8.0	8.0		7.8		7.9

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1	Hệ số 2	Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
-----	------	--------	-----------	---------	---------	--------	--------	------------

Châu Đốc, ngày 29 tháng 7 năm 2025

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Trần Thị Ngọc Thảo